

**TAND THỊ XÃ T
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HSST

Ngày: 16/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Khắc Đức

2. Ông: Ngô Sỹ Lượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Thư ký
Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 02/01/2019 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 05/01/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn T**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 20/8/1988 tại huyện D, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối Lê Lợi, phường Quang Tiến, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1957; nghề nghiệp: Lao động tự do và con bà Đặng Thị C, sinh năm 1959; nghề nghiệp: Lao động tự do; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1990; nghề nghiệp: Lao động tự do và có 02 (hai) con; lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Có 01 tiền án: Tại bản án số 30/2017/HSST ngày 26/6/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2017; Nhân thân: Ngày 26/12/2012 bị cáo Hoàng Văn T bị Công an phường Q, thị xã T ra Quyết định xử phạt số 48/QĐ-XPHC xử phạt hành chính xử phạt số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng) về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/11/2018 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974

Trú tại: Khối L, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20/8/2018 Hoàng Văn T lợi dụng trời mưa rồi đến nhà Nguyễn Thị Q để trộm cắp tài sản. Tại đây thấy gia đình chị Q không có ai ở nhà, Hoàng Văn T tìm xung quanh thấy có một chùm chìa khóa trong túi quần treo dưới mái hiên nhà bếp, T dùng chùm chìa khóa này mở cửa nhà chị Q rồi vào phòng ngủ lục trên vali để trên nóc tủ thì thấy có 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng và số tiền 1.060.000đồng (một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) và lục tiếp ở chiếc túi treo bên tủ quần áo có 02 (hai) sợi dây chuyền bằng bạc. Tất cả số tài sản trên T lấy và cất vào túi quần của mình rồi rời khỏi nhà chị Q về nhà. Đến ngày 20/9/2018, nhận thức được hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật nên Hoàng Văn T đến cơ quan CSĐT Công an thị xã T để đầu thú và giao nộp toàn bộ số tài sản đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị Q.

Ngày 20/9/2018 cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã ra quyết định trưng cầu giám định số 60 giám định số tiền 1.060.000đồng thu giữ của Hoàng Văn T.

Tại bản kết luận số 306/KL-PC09 ngày 24/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận số tiền 1.060.000đồng (một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) gửi giám định gồm: 10 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đồng; 03 (ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đồng (hai mươi nghìn đồng) đều là tiền thật.

Ngày 22/10/2018 cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 69 giám định 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng và 02 (hai) dây chuyền kim loại màu bạc thu giữ của Hoàng Văn T.

Tại bản kết luận giám định số 5843/C09(P4) ngày 05/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An kết luận:

- 01 nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, trơn, mặt trong nhân in chữ “Hai Nghĩa”, “999” có khối lượng 1,87 gam là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,98%.

- 02 (hai) dây chuyền đeo cổ bằng kim loại màu bạc, được chế tác dạng mắt xích dẹt nối với mắt xích tròn có tổng khối lượng 21,78 gam gồm:

+ Phần các mắt xích dẹt đều là hợp kim bạc (Ag); đồng (Cu); kẽm (Zn), hàm lượng trung bình Ag: 84,26%; Cu: 10,17%; Zn: 5,57%.

+ Phần các mắt xích tròn đều là bạc (Ag), hàm lượng trung bình Ag: 97,37%.

Ngày 15/11/2018 cơ quan CSĐT Công an thị xã T ra yêu cầu định giá tài sản đối với một nhẫn vàng và hai dây chuyền bạc thu giữ của Hoàng Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) nhẫn vàng có trị giá 1.700.000đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng) và 02 (hai) dây chuyền bạc trị giá 255.000đồng (hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tổng trị giá mà Hoàng Văn T trộm cắp của chị Nguyễn Thị Q là 3.015.000đồng (ba triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã thu giữ số tiền 1.060.000đồng (một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 (một) nhẫn kim loại vàng và 02 (hai) dây chuyền kim loại bạc thu giữ của Hoàng Văn T là tài sản do T trộm cắp. Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thị xã T xác định số tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Q nên đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho chị Nguyễn Thị Q theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Q đã nhận lại tài sản đầy đủ do bị cáo trộm cắp, nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Cáo trạng số 05/CT-VKS-HS ngày 02/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1, 5 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo .

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như đơn trình báo của người bị hại, đơn xin đầu thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, thu giữ vật chứng và kết luận giám định, kết luận định giá, lời khai của bị cáo, người bị hại... được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/8/2018, lợi dụng trời mưa, bị cáo Hoàng Văn T đã đột nhập vào nhà chị Nguyễn Thị Q để trộm cắp tài sản gồm: 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng và số tiền 1.060.000 đồng (một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng); 02 (hai) sợi dây chuyền bằng bạc. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo Hoàng Văn T trộm cắp của chị Nguyễn Thị Q là 3.015.000 đồng (ba triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng). Mục đích trộm cắp tài sản của bị cáo là để tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

...

Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối bị cáo. Căn cứ vào hồ sơ tài liệu của vụ án và tại phiên tòa thấy rằng bị cáo có 01 tiền án: Tại bản án số 30/2017/HSST ngày 26/6/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 04 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2017. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương bị cáo không chịu tu dưỡng và rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nên bị cáo

thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo còn có nhân thân xấu. Tuy nhiên thấy rằng sau khi phạm tội bị cáo đã đến Công an thị xã T để đầu thú về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản đã trộm cắp để Công an thị xã T trả lại cho người bị hại nên đây được coi là bị cáo đã khắc phục được hậu quả, đồng thời quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, bị cáo không chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mà vẫn tiếp tục phạm tội, nên xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết.

Hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh nguồn thu nhập của bị cáo thấy rằng, bị cáo không nghề nghiệp ổn định thu nhập thấp, nên áp dụng khoản 5 Điều 173 miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án:

- Thu giữ 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng và số tiền 1.060.000đồng (một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng); 02 (hai) sợi dây chuyền bằng bạc. Quá trình điều tra xác định tất cả số tài sản trên là do bị cáo trộm cắp của chị Nguyễn Thị Q nên cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật về xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại chị Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào các lời khai trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt của chị Q Hội đồng thấy rằng: Số tài sản của chị đã bị Hoàng Văn T trộm cắp, nay chị đã được Công an thị xã T trả lại đầy đủ, nên chị không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 5 điều 173; điểm b, s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Thi hành án. Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo T phải chịu 200.000VNĐ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bị hại;
- TAND Tỉnh Nghệ An;
- VKSND; Công an TX T;
- Thi hành án Dân sự TX T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang

